

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-ST.

Ngày: 15-3-2021.

V/v tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Thanh Bình**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Xương**;

2. Bà **Lê Thị Diễm Huyền**.

**- Thư ký phiên tòa:** bà **Trần Thị Cúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** bà **Đặng Xuân Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc A**, sinh ngày 01/01/1941.

Địa chỉ: số 325/7, ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Văn N**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số 325/7, ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Theo giấy ủy quyền ngày 17/12/2020 (ông N có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1970 và ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (ông T, bà C vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2021 của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc A cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm của Người đại diện theo ủy quyền của bà A là ông Lê Văn N trình bày:*

Vào ngày 20/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 15/12/2019) bà Lê Thị C cùng chồng là ông Nguyễn Văn T có vay của bà Trần Thị Ngọc A số tiền là 60.000.000đồng, có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, trả lãi hàng tháng (có làm giấy tay) và hẹn tháng 12/2020 âm lịch trả 20.000.000đồng vốn, tháng 3/2021 âm lịch trả 20.000.000đồng vốn và tháng 7/2021 âm lịch trả 20.000.000đồng vốn là hết nợ. Sau đó có vay thêm 4.500.000đồng (không có làm giấy). Tổng cộng 64.500.000đồng. Từ khi vay đến nay ông T, bà C không trả lãi theo thỏa thuận cũng không trả tiền vốn cho bà A.

Bà Trần Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T trả cho bà số tiền vốn gốc là 64.500.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 14/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*\* Tại bản tự khai ngày 01/02/2021 bị đơn bà Lê Thị C trình bày:*

Vợ chồng bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, bà thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà A số tiền 64.500.000đồng tiền vốn để chi tiêu cho gia đình như đơn khởi kiện của bà A trình bày là đúng sự thật, bà đồng ý trả cho bà A số nợ mà bà A khởi kiện và yêu cầu ông T cùng trả, do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi dứt nợ, bà xin bỏ phần lãi suất.

*\* Ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì.*

Ông N không đồng ý với thời gian trả nợ theo bà C đã trình bày. Ông Nhanh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà A. Do các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật.

Đối với các bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 5 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÓA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Tại phiên tòa, các bị đơn bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà C, ông T. Bà C đã có mặt tại Tòa án và có bản tự khai tại Tòa án. Riêng ông T vắng mặt không có ý kiến gì, Tòa án đã tổng đạt Thông báo số 107/TB-TA, ngày 18/02/2021 về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, đã hết thời hạn ấn định trong thông báo nhưng ông T không có ý kiến gì, đại diện Viện Kiểm sát và đại diện nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà C, ông T nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông T theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T cùng liên đới trả cho bà An số tiền vốn gốc là 64.500.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 14/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2.2] Các bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa. Theo bản tự khai ngày 01/02/2021 bị đơn bà Lê Thị C thừa nhận vợ chồng bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, bà thừa nhận có vay của bà A số tiền 64.500.000đồng tiền vốn để chi tiêu cho gia đình như đơn khởi kiện của bà A trình bày là đúng sự thật, bà đồng ý trả cho bà A số nợ mà bà A khởi kiện và yêu cầu ông T cùng trả, do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi dứt nợ, bà xin bỏ phần lãi suất, bà không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản đối. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện các đương sự không phải chứng minh do các bên đương sự đã thừa nhận. Hội đồng xét xử công nhận tình tiết trên là sự thật và xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án các bên chưa thống nhất được về thời gian để trả nợ. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy rằng: Bà C thừa nhận có vay của bà A số tiền 64.500.000đồng hiện nay chưa trả tiền vốn, lãi, bà đồng ý trả số nợ trên cho bà A mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi dứt nợ, bà xin bỏ phần lãi suất và yêu cầu ông T cùng trả. Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu trả vốn và lãi trong sáu tháng nhưng các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[2.4] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án ông đã vắng mặt và không có ý kiến gì mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng. Bà C thừa nhận ông biết việc bà C vay tiền của bà A là để phục vụ cho cuộc sống thiết yếu của gia đình và ông cũng biết việc bà A khởi kiện ông. Xét thấy yêu cầu của bà Anh đối với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích ở Mục [2] là có căn cứ để buộc bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T cùng liên đới trả cho bà A số tiền vốn gốc là 64.500.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 14/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể như sau:

Từ ngày 14/01/2020 đến ngày 15/3/2021 (đại diện nguyên đơn thống nhất làm tròn) là 14 tháng.

Lãi suất 20%/năm = 1,666%/tháng.

Tiền vốn 64.500.000đồng x 1,666%/tháng x 14 tháng = 15.043.980đồng.

[4] Đề Nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách là có căn cứ nên được chấp nhận.

#### **[5] Về án phí:**

Do yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc A.

Buộc bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Ngọc A tổng số tiền là 79.543.980đồng (Bảy mươi chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm tám mươi đồng) trong đó vốn gốc là 64.500.000đồng (Sáu mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), lãi suất là 15.043.980đồng (Mười lăm triệu không trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm tám mươi đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Trần Thị Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T

cùng liên đới trả cho bà Trần Thị Ngọc A theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Buộc bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu 3.977.199 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm chín mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Ngọc A thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- Lưu.

**TRẦN THANH BÌNH**